

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2020/HC-PT

Ngày: 25 - 8 - 2020

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trí Tuấn;

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh;

Ông Phan Nhựt Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ưc Minh Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 339/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HCST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 810/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Cự H, sinh năm 1934. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Cự H:** Ông Phạm Tuấn A, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ng, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:**

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

2/. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Văn Tr, chức vụ: Chủ tịch ủy

ban nhân dân tỉnh Bình Phước. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:* Ông Trần Phương N, chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2/. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1975. (có mặt)

3/. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1975.

4/. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước:* Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Hoàng Anh T, chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Phương N, chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Minh T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Nguyễn Cự H và người đại diện theo ủy quyền của ông H thống nhất trình bày:*

Gia đình ông có ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị Th và các con là anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Văn Kh, là chủ sử dụng của các thửa đất sau:

Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 47.657,4m<sup>2</sup> (đã trừ phần ngập), tọa lạc tại ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước, được UBND huyện Ch cấp GCNQSDĐ số CH0013 ngày 08/01/2010 cho ông Nguyễn Cự H.

Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 4, diện tích 33.323,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 2, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước, được UBND huyện Ch cấp GCNQSDĐ số CH0014 ngày 08/01/2010 cho ông Nguyễn Cự H.

Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 09, diện tích 80.040,4m<sup>2</sup> (đã trừ phần ngập), được UBND huyện Ch cấp GCNQSDĐ số H02871 ngày 31/01/2008 cho ông

Nguyễn Văn Kh.

Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12, diện tích 50.131,4m<sup>2</sup> (đã trừ phần ngập), được UBND huyện Ch cấp GCNQSDĐ số H03016 ngày 16/12/2008 cho ông Nguyễn Minh T.

Nguồn gốc của toàn bộ diện tích đất này là do ông nhận chuyển nhượng từ các hộ dân khác từ năm 1995 để canh tác trồng cây cao su. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông đã tặng cho và chuyển nhượng một phần diện tích cho hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Minh Kh.

Năm 2011, gia đình ông được UBND xã Nh phổ biến (bằng miệng) rằng hộ gia đình ông bị thu hồi 83.312m<sup>2</sup> đất vườn cao su để thực hiện Dự án thủy lợi PH. Theo phương án thực hiện thì những hộ gia đình bị thu hồi sẽ được hỗ trợ bằng tiền hoặc nhận đất tái định cư, ai nhận đất thì đăng ký nhận đất, ai muốn nhận tiền thì đăng ký nhận tiền và ông đã đăng ký nhận tiền. Như vậy, ngoài tiền đền bù mà gia đình ông đã được nhận (không nhớ chính xác) thì hộ gia đình ông còn được nhận 16 lô đất tái định cư. Tuy nhiên, sau đó một thời gian dài thì gia đình ông vẫn không được giao đất tái định cư và nghe nói gia đình ông được hỗ trợ bằng tiền thay cho nhận đất tái định cư. Không đồng ý, ngày 13/3/2018, ông làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh, từ chối nhận tiền và yêu cầu giao đất tái định cư cho ông nhưng đến nay vẫn không được giải quyết.

Đến ngày 31/5/2018, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước có Công văn số 129/BQLNN, theo đó: Hộ gia đình ông bị thu hồi 83.312m<sup>2</sup> và được giao đất ở thuộc khu tái định cư 80ha tại ấp 6, xã Nh theo Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 về việc phê duyệt danh sách của UBND tỉnh Bình Phước. Phương án giao đất tái định cư được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011, với tổng số lô là 13,5 lô tái định cư, ký hiệu lô là từ 15 đến 27 và 28a, thuộc cụm A18 và 2,5 lô thuộc cụm A40. Tuy nhiên, do Thông báo nhiều nhiều nhưng quá thời hạn nhận đất là ngày 30/11/2013 theo Văn bản số 3681/UBND-KT ngày 30/11/2013 mà hộ gia đình ông không nhận đất, không làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nên ngày 26/6/2014, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 điều chỉnh phương án giao đất tái định cư, thu hồi các lô đất tái định cư của các Hộ gia đình không đến nhận đất (trong đó có hộ gia đình của ông) để giao cho các hộ dân khác.

Thấy rằng trong toàn bộ quá trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, giao đất tái định cư,... hộ gia đình, ông không nhận được bất kỳ Quyết định, thông báo nào, kể cả Văn bản số 3681/UBND-KT của UBND tỉnh Bình Phước thông báo thời hạn nhận đất cũng như không được ai thông báo, hướng dẫn liên hệ gặp ai, ở đâu, khi nào... để nhận đất tái định cư. Do đó, việc Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 phê duyệt phương án chuyển sang hỗ trợ bằng tiền đối với hộ gia đình ông và Quyết định số 422/QĐ-UBND điều chỉnh phương án giao đất tái định cư của hộ gia đình

ông theo phương án giao đất tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 là không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Mặc dù, việc thu hồi đất có nhiều vi phạm nhưng trong vụ án này ông không khiếu kiện hay có yêu cầu gì đối với việc thu hồi đất cũng như chính sách bồi thường khi thu hồi đất để thực hiện dự án mà chỉ khiếu kiện việc điều chỉnh phương án giao đất tái định cư chuyển sang hỗ trợ bằng tiền tái định cư của UBND tỉnh, nên ngày 29/8/2018, ông H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 phê duyệt phương án chuyển sang hỗ trợ bằng tiền đối với hộ gia đình ông của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh phương án giao đất tái định cư của hộ gia đình ông theo phương án giao đất tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

Buộc UBND tỉnh Bình Phước giao 16 lô đất tái định cư tại cụm A40 và A18, khu tái định cư 80ha thuộc ấp 6, xã Nh cho hộ gia đình ông theo Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt phương án tái định cư cho các hộ dân thuộc khu giải phóng mặt bằng hạng mục long hồ dự án thủy lợi PH.

Ngày 02/10/2018, ông H có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Hủy một phần Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 phê duyệt phương án chuyển sang hỗ trợ bằng tiền đối với hộ gia đình ông của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, một phần Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh phương án giao đất tái định cư của hộ gia đình ông theo phương án giao đất tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

Buộc UBND tỉnh Bình Phước giao 16 lô đất tái định cư tại cụm A40 và A18, khu tái định cư 80ha thuộc ấp 6, xã Nh cho hộ gia đình ông theo Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt phương án tái định cư cho các hộ dân thuộc khu giải phóng mặt bằng hạng mục long hồ dự án thủy lợi PH.

*Người bị kiện UBND tỉnh Bình Phước trình bày:*

Hộ gia đình ông Nguyễn Cự H bị thu hồi 83,312m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại xã Nh, huyện Ch thuộc dự án long hồ dự án thủy lợi PH. Theo chính sách bồi thường và tái định cư dự án PH, hộ ông H được giao đất ở thuộc khu tái định cư 80ha tại ấp 6, xã Nh và đã được UBND tỉnh phê duyệt danh sách tại Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 Phương án bố trí, giao đất tái định cư được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011, với tổng số lô là 13,5 lô tái định cư, ký hiệu lô là từ 15 đến 27 và 28a, thuộc cụm

A18 và 2,5 lô thuộc cụm A40 khu tái định cư 80ha dự án thủy lợi PH.

Sau khi danh sách và phương án bố trí đất đã được phê duyệt. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sau là Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn) đã tiến hành niêm yết, thông báo làm thủ tục nhận đất và cấp GCNQSDĐ cho nhân dân tại thông báo số 527a, 528, 529, 530, 531 và 532/TB-BQL ngày 23/12/2011 (lần 1); Thông báo số 01, 02, 03, 04 và 05/TB-BQL ngày 03/01/2012 (lần 2); Thông báo số 47, 48, 49, 50 và 51/TB-BQL ngày 21/02/2012 (lần 3). Tuy nhiên, sau nhiều lần thông báo nhưng vẫn có nhiều hộ dân (trong đó có hộ ông H) không đến làm thủ tục nhận đất và cấp GCNQSDĐ. Trong khi các hộ dân khác đã được UBND tỉnh phê duyệt danh sách nhận đất tái định cư nhưng chưa có đất để bố trí cho người dân.

Chủ đầu tư đã báo cáo vấn đề ngày lại với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Nhà tài trợ là Ngân hàng phát triển châu Á - ADB. Sau khi xem xét, nhà tài trợ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thống nhất đề nghị phải có tham vấn các hộ dân xem lại nhu cầu của người dân về tái định cư. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp với UBND các xã, Tư vấn của dự án tiến hành tham vấn người dân.

Theo Công văn số 3681/UBND-KT ngày 30/11/2013 thì thời hạn cuối cùng nhận đất tái định cư là 30/11/2013, hết thời hạn nhận đất mà các hộ dân không đến nhận đất, làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đất thì chuyển sang nhận hỗ trợ bằng tiền. Thực hiện công văn này, chủ đầu tư tiến hành thông báo trên Báo Bình Phước 03 kỳ (vào các ngày 20, 23, 25/12/2013) về danh sách các hộ dân chưa đến nhận đất tái định cư. Đến thời hạn nhận đất, hộ ông H không làm thủ tục nhận đất và làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, hộ ông H được chuyển sang nhận hỗ trợ bằng tiền và phương án hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014, với số tiền 129.948.000 đồng và UBND tỉnh đã có Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 phê duyệt điều chỉnh phương án giao đất tái định cư, thu hồi các lô đất của các hộ đã chuyển sang nhận hỗ trợ bằng tiền (trong đó có hộ ông H) để giao cho các hộ dân khác đã được UBND tỉnh phê duyệt danh sách tái định cư tại Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 nhưng chưa có đất để bố trí.

Chủ đầu tư đã thông báo kế hoạch chi trả tiền tại thông báo số 05/TB-BQL ngày 05/01/2016 và Thông báo số 123/TB-BQL ngày 16/5/2016 và tiến hành chi trả tiền cho các hộ dân. Hộ ông H có đến nhưng không nhận tiền, số tiền trên được Chủ đầu tư gửi trong tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Như vậy, Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 và Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh trình bày:*

Ông Tiến và ông Kh là con trai của ông Nguyễn Cự H. Năm 2008, ông Tiến đã nhận chuyển nhượng của ông H thửa đất số 622, tờ bản đồ số 09, diện tích 80.040,4m<sup>2</sup> tại ấp 1, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Bình Phước, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số H02871, do UBND huyện Ch cấp ngày 31/01/2008. Cùng năm này, ông Kh được ông H tặng cho thửa đất số 67, tờ bản đồ số 09, diện tích 50.131,4m<sup>2</sup> tại ấp 1, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Bình Phước, vào sổ cấp GCNQSDĐ số H03106, do UBND huyện Ch cấp ngày 16/12/2008. Ông T và ông H đã quản lý sử dụng diện tích đất này đến thời điểm bị thu hồi. Tuy nhiên, mặc dù đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được cấp GCNQSDĐ và tách hộ khẩu riêng, lập gia đình... nhưng khi thu hồi đất để thực hiện dự án thì hai ông không được nhận bất kỳ thông báo hay văn bản nào mà chỉ được nghe ông H nói lại. Đồng thời, cơ quan chức năng đã nhập toàn bộ diện tích đất của ông H và hai anh em vào để thu hồi chung đất của “Hộ gia đình ông H”.

Nay hai ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước giao cho ông H 16 lô đất tái định cư tại cụm A40 và A18, khu tái định cư 80ha, thuộc ấp 6, xã Nh theo đúng Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011. Hai anh em ông và ông H sẽ tự phân chia tiền hỗ trợ, bồi thường và tái định cư.

*Bà Nguyễn Thị Th trình bày:* Bà Th là vợ của ông Nguyễn Cự H. Bà thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

*Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước) trình bày:* Thống nhất với quan điểm và phần trình bày của UBND tỉnh Bình Phước. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cự H về việc đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 phê duyệt phương án chuyển sang hỗ trợ bằng tiền đối với hộ gia đình ông của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, một phần Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh phương án giao đất tái định cư của hộ gia đình ông theo phương án giao đất tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

Bác yêu cầu buộc UBND tỉnh Bình Phước giao 16 lô đất tái định cư tại cụm A40 và A18, khu tái định cư 80ha thuộc ấp 6, xã Nh cho hộ gia đình ông

theo Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt phương án tái định cư cho các hộ dân thuộc khu giải phóng mặt bằng hạng mục long hồ dự án thủy lợi PH.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/4/2019, người khởi kiện ông Nguyễn Cự H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Cự H (có ông Phạm Tuấn A đại diện theo ủy quyền) và ông Nguyễn Minh T trình bày vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cự H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tại thời điểm ban hành Quyết định số 1364, 422 thì Quyết định số 1544 và 2765 vẫn chưa bị thay thế hoặc hủy bỏ bằng các quyết định hành chính khác. Tại buổi tham vấn ngày 24/5/2013, hộ ông Nguyễn Cự H có tham gia, đăng ký nhận tái định cư tại khu 80ha và có nhu cầu trả tiền sử dụng đất trong thời hạn 03 năm theo giá tại thời điểm trả nợ. Việc hộ ông H chưa nhận đất không phải là căn cứ để chuyển sang hình thức nhận bằng tiền. Do đó, việc chuyển sang hình thức bằng tiền là vi phạm quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cự H. Hủy các quyết định 1364 và 422.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Thực hiện dự án thủy lợi PH, ngày 26/6/2009, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Ch ban hành Quyết định số 2644/QĐ-UBND, 2645/QĐ-UBND và 2646/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 83.312m<sup>2</sup> của hộ ông Nguyễn Cự H.

Ngày 01/7/2011, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1544/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách các hộ dân được giao đất tái định cư và hỗ trợ đất ở tại khu tái định cư 80ha, ấp 6, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Ngày 15/12/2011, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2765/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bố trí, giao đất tái định cư cho các hộ dân thuộc khu giải phóng mặt bằng hạng mục lòng hồ thủy lợi PH. Theo đó, hộ ông Nguyễn Cự H được cấp 13,5 lô tái định cư thuộc cụm A18 và 2,5 lô tái định cư thuộc cụm A40, khu tái định cư 80ha.

Ngày 24/5/2013, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức buổi tham vấn với các hộ dân để xem lại nhu cầu của người dân về tái định cư. Ông Nguyễn Cự H đại diện hộ tham dự buổi tham vấn và thể hiện ý kiến đồng ý nhận đất tái định cư, trả tiền sử dụng đất trong thời hạn 03 năm theo giá tại thời điểm trả nợ. Tuy nhiên, sau đó hộ ông H chưa làm thủ tục để nhận đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay, Quyết định số 1544/QĐ-UBND và Quyết định số 2765/QĐ-UBND giao đất tái định cư cho hộ ông H vẫn có hiệu lực thi hành; hộ ông H có nhu cầu nhận đất tái định cư và trả tiền sử dụng đất trong thời hạn 03 năm. Cơ quan có thẩm quyền không thực hiện thông báo trực tiếp cho các hộ dân đến nhận đất tái định cư mà thông qua việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, dẫn đến việc có một số hộ dân, trong đó có hộ ông H không biết để thực hiện. Hơn nữa, việc hộ ông H chưa làm thủ tục nhận đất và đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là căn cứ để chuyển sang hình thức nhận bằng tiền theo quy định tại Quyết định số 45/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước. Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 phê duyệt phương án chuyển sang hỗ trợ bằng tiền đối và Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 điều chỉnh phương án giao đất tái định cư với hộ gia đình ông Nguyễn Cự H là không đúng quy định pháp luật.

Mặt khác, tại Văn bản số 505/BQLDS-KHTH ngày 21/7/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước xác định diện tích đất của ông H được phê duyệt bồi thường là 66.271m<sup>2</sup>; diện tích đất chênh lệch là 83.312m<sup>2</sup> – 66.271m<sup>2</sup> = 17.041m<sup>2</sup>; chuyển qua hỗ trợ bằng tiền giảm 32.799.000 đồng là không phù hợp với Quyết định số 2644/QĐ-UBND, 2645/QĐ-UBND và 2646/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 83.312m<sup>2</sup> của hộ ông Nguyễn Cự H (các quyết định hiện đang có hiệu lực thi hành, không bị thay thế, hủy bỏ bởi các quyết định hành chính khác).

[3] Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh có cơ sở để chấp nhận; cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cự H.



[4] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Cự H không phải chịu. UBND tỉnh Bình Phước phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Cự H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HCST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cự H:

Hủy một phần Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 phê duyệt phương án chuyển sang hỗ trợ bằng tiền đối với hộ gia đình ông của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước, một phần Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh phương án giao đất tái định cư của hộ gia đình ông theo phương án giao đất tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước, đối với nội dung hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Cự H.

Buộc UBND tỉnh Bình Phước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

2/. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: UBND tỉnh Bình Phước phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Cự H không phải chịu; hoàn lại cho ông Nguyễn Cự H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015132 ngày 21/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Cự H, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn Kh không phải chịu. Hoàn lại mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 015194, 015195, 015196 cùng ngày 23/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- ĐS (7);
- Lưu VP(3), HS(2). 17b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trí Tuấn**